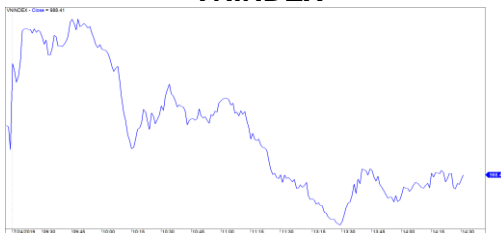


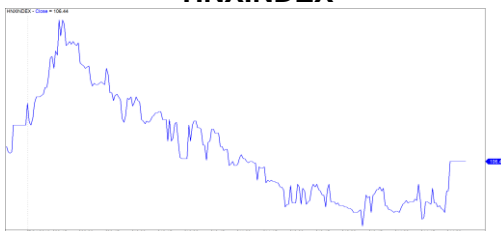
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	988.41	106.44	59.23
% ngày	-0.11%	-0.25%	1.32%
% tuần	0.59%	-0.13%	3.82%
% tháng	2.65%	1.58%	7.40%
% năm	5.82%	0.84%	18.37%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	3,921	481	473
TB 1 tuần	3,833	466	388
TB 1 tháng	3,745	401	310
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	556.72	2.26	32.05
Bán	369.63	12.93	14.31
Giá trị ròng	187.08	-10.67	17.74
Độ rộng TT			
Mã Tăng	129	62	210
Mã Giảm	171	83	118
Không Đổi	89	222	564
Chỉ số chính			
P/E	16.94	9.71	19.27
Vốn hóa			
TT (ngàn tỷ)	3,354	192	1,002
LS Cổ tức	1.68%	3.02%	6.68%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNIINDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Sau phiên tăng điểm mạnh liền trước, VN-Index đi ngang trở lại chốt phiên với mức giảm 0.11% dừng tại mức 988.41 điểm. Trong khi đó, chỉ số HNX-Index cũng đồng thuận khi giảm 0.25% dừng tại 106.44 điểm, chỉ số Upcom-Index tỏ ra khá tích cực với mức tăng 1.05% neo tại 59.08 điểm. Giá trị giao dịch không có nhiều thay đổi so với phiên liền trước khi đạt 3,933 tỷ đồng khớp lệnh trên cả ba sàn.

Thị trường điều chỉnh nhẹ dưới áp lực chốt lời ngắn hạn ở nhiều nhóm cổ phiếu mà tâm điểm là nhóm Ngân hàng. Cụ thể, VCB(-2.5%), STB(-1.3%), BID(-2.3%), CTG(-1.8%). Tuy nhiên, điều này cũng dễ hiểu khi nhiều mã trong nhóm đã tăng tương đối khá. Thị trường được cân bằng nhờ trụ VIC(1.8%), MSN(1.4%), NVL(1%), PLX(2.8%) trong đó VIC vẫn duy trì xung lực tăng mạnh mở ra khả năng tạo ra đỉnh cao lịch sử mới. Nhóm Dầu khí đa phần tăng nhờ PLX(2.8%), PVD(1.7%), PVS(0.4%) ngoài trừ GAS(-0.4%) trong khi Thủy sản và May mặc tiếp tục giảm như VHC(-1.4%), ANV(-1.1%), FMC(-0.3%), TNG(-1.4%). BCC(2.4%), DTD(4.7%), SCI(9.4%) trên HNX và GVR(4.9%), VGI(4.8%), GEG(2%), CTR(8.1%) trên Upcom là những mã có mức tăng vượt trội tại 2 sàn này.

Khối ngoại tiếp tục nối dài chuỗi mua ròng với giá trị hơn 194 tỷ đồng trên cả ba sàn. Trong đó, VJC(120 tỷ), VIC(32 tỷ), MSN(19 tỷ) là các mã được mua ròng nhiều nhất. Ở chiều ngược lại, HBC(27 tỷ), STB(21 tỷ), VCB(10 tỷ) là các mã dẫn đầu danh sách bán ròng.

QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ điều chỉnh và kiểm định mức hỗ trợ gần nhất là 982 điểm của chỉ số VN-Index. Đồng thời, áp lực chốt lời có dấu hiệu gia tăng, nhưng chúng tôi đánh giá đây có thể chỉ là nhịp điều chỉnh ngắn hạn và dòng tiền sẽ có sự dịch chuyển giữa các nhóm cổ phiếu, đặc biệt chúng tôi nhận thấy nhóm cổ phiếu Largecaps tiếp tục thu hút dòng tiền ngắn hạn. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu có dấu hiệu tăng nhẹ trở lại cho thấy thị trường có thể sẽ không chịu áp lực điều chỉnh sâu và cơ hội giải ngân vẫn có trong ngắn hạn.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức TĂNG xu hướng ngắn hạn trên các chỉ số chính với mức hỗ trợ ở mức 969.25 điểm của chỉ số VN-Index và 105.88 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư nên cơ cấu lại danh mục và chú ý vào xu hướng ở từng cổ phiếu hoặc có thể chú ý vào nhóm cổ phiếu Largecaps.

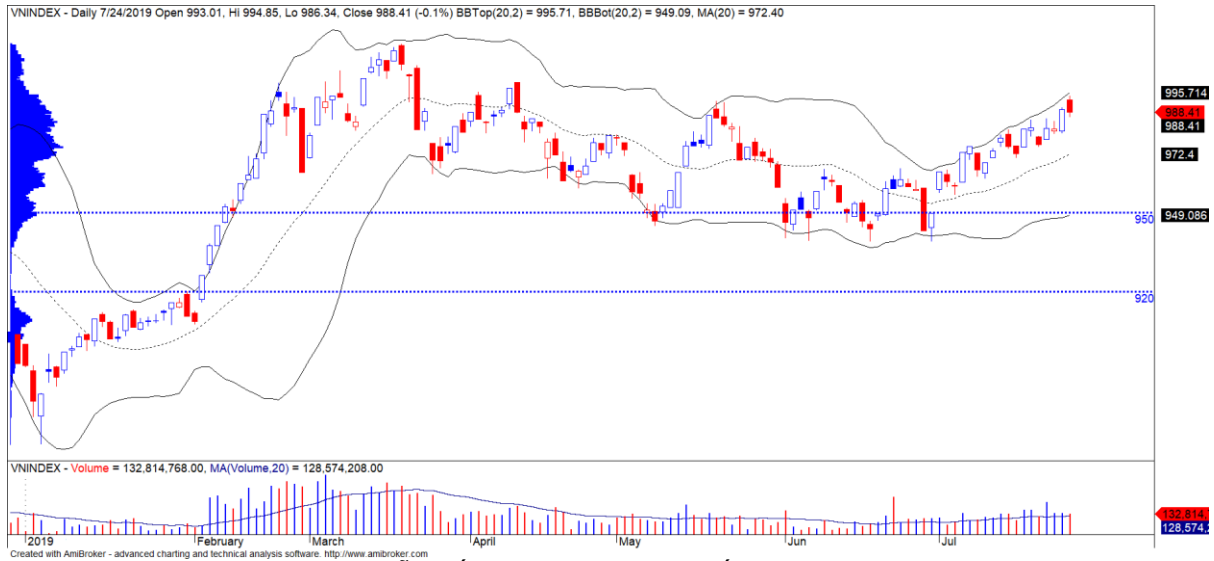
Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 46% cổ phiếu/54% tiền.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create **Fortune**

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	TĂNG	TĂNG	1,000	1,025	965	953
Chỉ số HNX-Index	TĂNG	GIẢM	108	110	105	101
Chỉ số VN30	TĂNG	TĂNG	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	TĂNG	TĂNG	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	GIẢM	TĂNG	835	845	822	804

We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	18.70	TĂNG	TĂNG	18.60	18.46	0.54%		16.85	17.01	10.98%	
ACB	30.70	GIẢM	GIẢM	29.80	32.48	8.98%	BÁN		31.45		
ACV	82.30	GIẢM	TĂNG		85.58			90.00	81.77	-8.56%	
ANV	26.65	GIẢM	GIẢM	28.05	26.83	-4.35%	BÁN		30.56		
ASM	6.96	GIẢM	GIẢM		7.09				7.78		
BFC	17.00	GIẢM	GIẢM		18.47				20.57		
BID	34.45	TĂNG	TĂNG	32.65	34.15	5.51%		33.40	31.23	3.14%	
BMP	50.30	TĂNG	TĂNG	44.50	48.33	13.03%		48.30	41.68	4.14%	
BSR	10.90	GIẢM	GIẢM		11.83				13.94		
BVH	85.20	GIẢM	TĂNG	79.00	88.34	11.82%	BÁN		85.11		
BWE	28.30	TĂNG	TĂNG	25.85	27.42	9.48%		20.00	25.15	41.50%	
CEO	10.50	GIẢM	GIẢM	10.70	11.37	6.29%	BÁN		11.33		
CII	22.00	GIẢM	GIẢM		22.69				23.94		
CMG	40.00	TĂNG	TĂNG	37.80	36.75	5.82%		23.20	32.95	72.41%	
CMX	25.90	TĂNG	TĂNG	23.75	23.58	9.05%		5.91	21.62	338.24%	
CSM	14.50	GIẢM	TĂNG		15.13			14.39	14.22	0.76%	
CTD	112.50	TĂNG	TĂNG	102.00	106.22	10.29%			112.01		
CTG	21.25	TĂNG	GIẢM	21.05	21.15	0.95%			22.80		
CTI	22.80	TĂNG	GIẢM	23.80	22.66	-4.20%			25.04		
CTR	40.00	TĂNG	N/A	28.80	34.21	38.89%		-	3.77		
CVT	20.15	TĂNG	TĂNG	19.25	19.91	4.68%		20.35	17.62	-0.98%	
DCM	8.00	TĂNG	GIẢM	8.50	7.97	-5.88%			8.64		
DGC	32.20	TĂNG	TĂNG	31.30	30.39	2.88%			31.31		
DGW	23.60	TĂNG	TĂNG	21.85	22.69	8.01%		23.50	23.12	0.43%	MUA
DHA	36.80	TĂNG	TĂNG	32.25	34.49	14.11%		29.10	32.44	26.46%	
DHC	34.30	GIẢM	TĂNG		36.45			35.20	33.00	-2.56%	
DHG	101.50	GIẢM	GIẢM		106.24				114.77		
DIG	13.60	TĂNG	GIẢM	14.10	13.30	-3.55%			14.54		
DPG	39.90	TĂNG	TĂNG	39.40	38.14	1.27%		40.02	34.78	-0.29%	
DPM	15.00	GIẢM	GIẢM		15.69				17.40		
DPR	43.95	GIẢM	TĂNG		44.48			42.50	40.21	3.41%	
DQC	18.10	TĂNG	GIẢM	18.60	17.61	-2.69%			20.46		
DRC	19.75	TĂNG	GIẢM	19.40	19.11	1.80%			20.88		
DXG	18.40	GIẢM	GIẢM	19.10	18.56	-2.80%	BÁN		20.75		
EIB	17.95	GIẢM	TĂNG		18.64			14.70	16.88	22.11%	

We Create Fortune

FCN	13.80	TĂNG	TĂNG	15.50	13.74	-10.97%		16.05	13.18	-14.02%	
FMC	29.60	TĂNG	GIẢM	28.95	29.48	2.25%			30.62		
FPT	48.60	TĂNG	TĂNG	45.20	47.01	7.52%		46.00	43.49	5.65%	
GAS	106.70	TĂNG	GIẢM	108.90	103.53	-2.02%			113.06		
GEX	22.20	TĂNG	GIẢM	22.20	22.07	0.00%	MUA		23.15		
GIL	26.00	TĂNG	GIẢM	27.30	25.94	-4.76%			29.06		
GMD	26.55	TĂNG	GIẢM	27.10	26.49	-2.03%			27.99		
GTN	17.55	GIẢM	TĂNG		18.65			15.00	16.37	17.00%	
GVR	15.00	TĂNG	GIẢM	13.50	13.24	11.11%			N/A		
HAG	5.24	GIẢM	GIẢM		5.54				5.62		
HAX	18.40	GIẢM	TĂNG	14.25	18.55	30.17%	BÁN	15.75	15.59	16.83%	
HBC	14.25	GIẢM	GIẢM		15.04				17.48		
HCM	22.35	GIẢM	GIẢM		24.04				26.60		
HDB	26.10	TĂNG	GIẢM	27.60	25.94	-5.43%			28.59		
HDC	16.20	TĂNG	TĂNG	15.25	14.73	6.23%		15.25	13.47	6.23%	
HDG	36.55	TĂNG	TĂNG	32.70	34.04	11.77%		35.30	34.59	3.54%	MUA
HNG	18.00	TĂNG	TĂNG	15.75	17.91	14.29%		17.10	16.59	5.26%	
HPG	21.55	GIẢM	GIẢM		21.81				24.51		
HSG	7.49	TĂNG	TĂNG	7.63	7.37	-1.83%		9.30	7.01	-19.46%	
HT1	15.75	GIẢM	TĂNG		16.22			14.80	15.47	6.42%	
HUT	2.40	GIẢM	GIẢM		2.67				3.07		
HVN	42.50	GIẢM	TĂNG		43.75			39.00	38.75	8.97%	
KBC	15.45	TĂNG	TĂNG	14.30	14.94	8.04%		15.35	13.54	0.65%	
KDH	21.90	GIẢM	GIẢM		22.83				24.76		
KSB	21.55	GIẢM	GIẢM		22.42				25.36		
LCG	10.35	TĂNG	GIẢM	10.45	10.24	-0.96%			11.44		
LDG	8.13	GIẢM	GIẢM		8.51				9.57		
LHG	17.75	GIẢM	TĂNG		19.38			19.30	17.20	-8.03%	
LPB	8.40	TĂNG	GIẢM	8.40	7.86	0.00%			8.51		
LSS	5.20	GIẢM	GIẢM		5.45				5.91		
MBB	22.60	TĂNG	TĂNG	21.30	21.71	6.10%		21.85	20.11	3.43%	
MPC	36.50	TĂNG	GIẢM	35.70	33.91	2.24%			40.20		
MSN	80.70	TĂNG	GIẢM	80.70	80.69	0.00%	MUA	89.00	80.74	-9.28%	BÁN
MSR	17.60	GIẢM	GIẢM		18.68				20.71		
MWG	107.40	TĂNG	TĂNG	88.30	103.56	21.63%		88.70	89.54	21.08%	
NDN	17.10	TĂNG	TĂNG	14.10	16.24	21.28%		13.70	14.40	24.82%	
NKG	6.06	GIẢM	GIẢM		6.36				7.23		
NLG	29.90	TĂNG	TĂNG	29.90	29.84	0.00%	MUA	28.70	27.83	4.18%	
NT2	25.90	GIẢM	GIẢM		26.66				28.99		

We Create Fortune

NTL	25.70	TĂNG	TĂNG	22.95	24.42	11.98%		10.45	22.09	145.93%	
NVL	58.90	GIẢM	GIẢM		60.25				62.33		
OIL	11.10	GIẢM	GIẢM		11.71				12.68		
PAC	33.60	GIẢM	GIẢM		35.23				38.65		
PC1	17.95	GIẢM	GIẢM		18.74				20.49		
PDR	26.30	TĂNG	TĂNG	24.10	25.97	9.13%		29.00	24.63	-9.31%	
PHR	70.50	TĂNG	TĂNG	61.20	65.23	15.20%		24.00	52.19	193.75%	
PLX	66.00	TĂNG	TĂNG	64.20	62.84	2.80%		62.40	58.43	5.77%	
PNJ	76.70	TĂNG	TĂNG	77.00	74.15	-0.39%		104.00	72.83	-26.25%	
POW	14.05	GIẢM	TĂNG		14.67			15.70	13.92	-10.51%	
PVT	16.80	GIẢM	GIẢM		17.45				17.62		
PPC	27.25	GIẢM	GIẢM		29.30			19.70	27.86	41.43%	
PTB	68.50	GIẢM	TĂNG		69.97			64.00	64.57	7.03%	
PVB	20.40	TĂNG	TĂNG	20.20	19.30	0.99%		20.10	16.79	1.49%	
PVD	18.35	GIẢM	TĂNG	19.20	19.02	-0.92%	BÁN	18.50	17.78	-0.81%	
PVI	37.40	GIẢM	GIẢM		37.62				39.70		
PVS	23.00	GIẢM	TĂNG		23.91			21.10	21.47	9.00%	
PXS	5.44	GIẢM	TĂNG		5.56			4.85	4.34	12.16%	
QNS	31.50	TĂNG	TĂNG	33.80	30.33	-6.80%		33.80	27.66	-6.80%	
REE	33.35	GIẢM	TĂNG		34.17			33.33	31.19	0.07%	
SAB	277.50	GIẢM	TĂNG		289.28			245.00	259.03	13.27%	
SAM	8.15	TĂNG	TĂNG	8.25	8.07	-1.21%		7.40	7.69	10.14%	
SCR	7.07	GIẢM	GIẢM		7.22				7.61		
SHI	8.79	TĂNG	TĂNG	8.39	8.03	4.77%		6.99	7.45	25.75%	
SJS	17.50	GIẢM	GIẢM		18.88			-	19.93		
SKG	11.85	GIẢM	GIẢM		12.22				12.61		
SSI	24.70	GIẢM	GIẢM	25.35	25.00	-1.39%	BÁN		26.98		
STB	11.35	GIẢM	GIẢM		11.71				12.32		
TCB	20.95	TĂNG	GIẢM	21.40	20.43	-2.10%			22.88		
TCM	26.05	GIẢM	GIẢM		27.29				30.59		
TDH	9.20	GIẢM	TĂNG		9.67			11.65	9.17	-21.03%	
TLH	4.97	GIẢM	TĂNG		5.07			5.39	4.80	-7.79%	
TNG	20.50	TĂNG	TĂNG	19.70	20.48	4.06%		12.00	18.79	70.83%	
VCB	76.90	TĂNG	TĂNG	69.20	75.71	11.13%		62.00	66.21	24.03%	
VCG	26.30	GIẢM	TĂNG		27.05			19.20	24.08	36.98%	
VCS	78.00	TĂNG	TĂNG	61.20	75.55	27.45%		68.00	61.40	14.71%	
VGC	20.20	TĂNG	GIẢM	20.50	19.79	-1.44%			20.64		
VGT	9.80	GIẢM	GIẢM		10.42				11.88		
VHC	88.50	TĂNG	GIẢM	89.50	88.29	-1.12%			95.80		

We Create Fortune

VHM	85.80	TĂNG	GIẢM	81.00	82.00	5.93%			87.75	
VIB	18.80	TĂNG	TĂNG	17.00	17.84	10.59%		17.70	15.55	6.21%
VIC	122.00	TĂNG	TĂNG	119.80	114.96	1.84%		112.00	108.25	8.93%
VIP	5.58	GIẢM	GIẢM	5.77	5.62	-2.65%	BÁN		5.95	
VJC	132.80	TĂNG	TĂNG	123.30	129.01	7.70%		124.50	120.45	6.67%
VND	14.95	GIẢM	GIẢM		15.50				16.69	
VNG	19.35	GIẢM	GIẢM		20.24			21.50	20.58	-4.29%
VNM	125.60	TĂNG	GIẢM	126.90	123.20	-1.02%			133.60	
VPB	19.10	TĂNG	GIẢM	18.60	19.04	2.69%			19.82	
VPI	40.85	GIẢM	GIẢM		42.03				42.86	
VRC	14.90	GIẢM	GIẢM		15.41				17.17	
VRE	37.35	TĂNG	TĂNG	35.75	35.74	4.48%		35.00	32.37	6.71%
VSC	30.85	TĂNG	GIẢM	31.90	30.84	-3.29%			34.25	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGE CAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	30.70	GIẢM	GIẢM		32.48				31.45		
BID	34.45	TĂNG	TĂNG	32.65	34.15	5.51%		33.40	31.23	3.14%	
BSR	10.90	GIẢM	GIẢM		11.83				13.94		
BVH	85.20	GIẢM	TĂNG		88.34				85.11		
CTG	21.25	TĂNG	GIẢM	21.05	21.15	0.95%			22.80		
EIB	17.95	GIẢM	TĂNG		18.64			14.70	16.88	22.11%	
FPT	48.60	TĂNG	TĂNG	45.20	47.01	7.52%		41.00	43.49	18.55%	
GAS	106.70	TĂNG	GIẢM	108.90	103.53	-2.02%			113.06		
HDB	26.10	TĂNG	GIẢM	27.60	25.94	-5.43%			28.59		
HNG	18.00	TĂNG	TĂNG	15.75	17.91	14.29%		17.10	16.59	5.26%	
HPG	21.55	GIẢM	GIẢM		21.81				24.51		
HVN	42.50	GIẢM	TĂNG		43.75			39.00	38.75	8.97%	
KDH	21.90	GIẢM	GIẢM		22.83				24.76		
MBB	22.60	TĂNG	TĂNG	21.30	21.71	6.10%		21.27	20.11	6.25%	
MSN	80.70	TĂNG	GIẢM	80.70	80.69	0.00%		89.00	80.74	-9.28%	BÁN
MWG	107.40	TĂNG	TĂNG	88.30	103.56	21.63%		88.70	89.54	21.08%	
NVL	58.90	GIẢM	GIẢM		60.25				62.33		
OIL	11.10	GIẢM	GIẢM		11.71				12.68		
PLX	66.00	TĂNG	N/A	64.20	62.84	2.80%		62.40	58.43	5.77%	
PNJ	76.70	TĂNG	TĂNG	77.00	74.15	-0.39%		77.88	72.83	-1.52%	

We Create Fortune

POW	14.05	GIẢM	TĂNG		14.67			15.70	13.92	-10.51%	
PVS	23.00	GIẢM	TĂNG		23.91			21.10	21.47	9.00%	
QNS	31.50	TĂNG	TĂNG	33.80	30.33	-6.80%		33.80	27.66	-6.80%	
REE	33.35	GIẢM	TĂNG		34.17			33.33	31.19	0.07%	
ROS	28.00	GIẢM	TĂNG		28.83			34.80	27.33	-19.54%	
SSI	24.70	GIẢM	GIẢM	25.35	25.00	-1.39%	BÁN		26.98		
STB	11.35	GIẢM	GIẢM		11.71				12.32		
TCB	20.95	TĂNG	GIẢM	21.40	20.43	-2.10%			22.88		
TPB	23.05	GIẢM	GIẢM		23.56				N/A		
VCB	76.90	TĂNG	TĂNG	69.20	75.71	11.13%		62.00	66.21	24.03%	
VCG	26.30	GIẢM	TĂNG		27.05			18.44	24.08	42.62%	
VEA	62.00	TĂNG	GIẢM	62.10	59.73	-0.16%			N/A		
VGI	30.70	TĂNG	GIẢM	29.50	28.01	4.07%			N/A		
VHM	85.80	TĂNG	GIẢM	81.00	82.00	5.93%			87.75		
VIB	18.80	TĂNG	TĂNG	17.00	17.84	10.59%		17.70	15.55	6.21%	
VIC	122.00	TĂNG	TĂNG	119.80	114.96	1.84%		112.00	108.25	8.93%	
VJC	132.80	TĂNG	TĂNG	123.30	129.01	7.70%		124.50	120.45	6.67%	
VNM	125.60	TĂNG	GIẢM	126.90	123.20	-1.02%			133.60		
VPB	19.10	TĂNG	GIẢM	18.60	19.04	2.69%			19.82		
VRE	37.35	TĂNG	TĂNG	35.75	35.74	4.48%		34.00	32.37	9.87%	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	18.70	TĂNG	TĂNG	18.60	18.46	0.54%		16.85	17.01	10.98%	
ANV	26.65	GIẢM	GIẢM	28.05	26.83	-4.35%	BÁN		30.56		
ASM	6.96	GIẢM	GIẢM		7.09				7.78		
BMP	50.30	TĂNG	TĂNG	44.50	48.33	13.03%		48.30	41.68	4.14%	
BWE	28.30	TĂNG	TĂNG	25.85	27.42	9.48%		19.44	25.15	45.58%	
C4G	8.20	GIẢM	#N/A		8.47			-	#N/A		
CEO	10.50	GIẢM	GIẢM		11.37				11.33		
CII	22.00	GIẢM	GIẢM		22.69				23.94		
CRE	25.55	TĂNG	#N/A	25.55	25.20	0.00%	MUA	-	#N/A		
CTI	22.80	TĂNG	GIẢM	23.80	22.66	-4.20%			25.04		
CTR	40.00	TĂNG	#N/A	28.80	34.21	38.89%		-	#N/A		
DCM	8.00	TĂNG	GIẢM	8.50	7.97	-5.88%			8.64		
DHC	34.30	GIẢM	TĂNG		36.45			35.20	33.00	-2.56%	



We Create Fortune

DIG	13.60	TĂNG	GIẢM	14.10	13.30	-3.55%			14.54		
DPM	15.00	GIẢM	GIẢM		15.69				17.40		
DRC	19.75	TĂNG	GIẢM	19.40	19.11	1.80%			20.88		
DXG	18.40	GIẢM	GIẢM	19.10	18.56	-2.80%	BÁN		20.75		
E1VFN30	14.73	TĂNG	GIẢM	14.59	14.34	0.96%			15.16		
FCN	13.80	TĂNG	TĂNG	15.50	13.74	-10.97%		16.05	13.18	-14.02%	
FLC	4.14	GIẢM	GIẢM		4.34				4.63		
FTM	24.80	GIẢM	TĂNG		25.16			16.25	22.18	52.62%	
GEG	25.50	TĂNG	TĂNG	22.80	23.52	11.84%		12.90	20.50	97.67%	
GEX	22.20	TĂNG	GIẢM	22.20	22.07	0.00%	MUA		23.15		
GMD	26.55	TĂNG	GIẢM	27.10	26.49	-2.03%			27.99		
GTN	17.55	GIẢM	TĂNG		18.65			15.00	16.37	17.00%	
GVR	15.00	TĂNG	#N/A	13.50	13.24	11.11%		-	#N/A		
HAG	5.24	GIẢM	GIẢM		5.54				5.62		
HBC	14.25	GIẢM	GIẢM		15.04				17.48		
HCM	22.35	GIẢM	GIẢM		24.04				26.60		
HDG	36.55	TĂNG	TĂNG	32.70	34.04	11.77%		35.30	34.59	3.54%	MUA
HPX	26.65	TĂNG	#N/A	26.60	25.76	0.19%		-	#N/A		
HSG	7.49	TĂNG	TĂNG	7.63	7.37	-1.83%		8.45	7.01	-11.39%	
HT1	15.75	GIẢM	TĂNG		16.22			14.80	15.47	6.42%	
IBC	21.30	TĂNG	TĂNG	20.90	21.18	1.91%		24.90	20.15	-14.46%	
IDI	7.22	GIẢM	GIẢM		7.51				8.38		
IJC	10.70	GIẢM	GIẢM		11.18				11.50		
ITA	3.07	GIẢM	TĂNG		3.19			3.20	2.77	-4.06%	
KBC	15.45	TĂNG	TĂNG	14.30	14.94	8.04%		15.35	13.54	0.65%	
KSB	21.55	GIẢM	GIẢM		22.42				25.36		
LDG	8.13	GIẢM	GIẢM		8.51				9.57		
LPB	8.40	TĂNG	GIẢM	8.40	7.86	0.00%			8.51		
MBS	14.70	GIẢM	#N/A		14.83			16.00	#N/A	#N/A	
MPC	36.50	TĂNG	GIẢM	35.70	33.91	2.24%			40.20		
NBB	21.80	TĂNG	TĂNG	22.00	21.14	-0.91%		21.50	18.83	1.40%	
NKG	6.06	GIẢM	GIẢM		6.36				7.23		
NLG	29.90	TĂNG	TĂNG	29.90	29.84	0.00%	MUA	28.70	27.83	4.18%	
NT2	25.90	GIẢM	GIẢM		26.66				28.99		
NTC	189.80	TĂNG	#N/A	144.00	176.54	31.81%		120.00	#N/A	#N/A	
NTL	25.70	TĂNG	TĂNG	22.95	24.42	11.98%		9.33	22.09	175.42%	
NVB	8.00	GIẢM	GIẢM		8.37				9.16		
OGC	4.00	GIẢM	GIẢM		4.15				4.75		

We Create Fortune

PC1	17.95	GIẢM	GIẢM		18.74			20.49		
PDR	26.30	TĂNG	TĂNG	24.10	25.97	9.13%		23.60	24.63	11.46%
PHR	70.50	TĂNG	TĂNG	61.20	65.23	15.20%		22.86	52.19	208.34%
PPC	27.25	GIẢM	GIẢM		29.30			17.42	27.86	59.93%
PTB	68.50	GIẢM	TĂNG		69.97			60.78	64.57	12.70%
PVD	18.35	GIẢM	TĂNG		19.02			18.50	17.78	-0.81%
PVI	37.40	GIẢM	GIẢM		37.62				39.70	
PVT	16.80	GIẢM	GIẢM		17.45				17.62	
QCG	4.47	TĂNG	GIẢM	4.62	4.31	-3.25%			5.32	
SAM	8.15	TĂNG	TĂNG	8.25	8.07	-1.21%		7.40	7.69	10.14%
SBT	16.45	GIẢM	GIẢM		16.96				18.08	
SCR	7.07	GIẢM	GIẢM		7.22				7.61	
SHB	6.80	GIẢM	GIẢM		7.06				7.44	
SHS	9.30	GIẢM	TĂNG		10.07			12.10	9.22	-23.14%
SJS	17.50	GIẢM	GIẢM		18.88				19.93	
STK	23.50	GIẢM	TĂNG		25.12			17.00	21.12	38.24%
SZC	22.35	TĂNG	#N/A	20.45	21.48	9.29%		-	#N/A	
TCH	21.15	GIẢM	GIẢM		22.07				22.45	
TCM	26.05	GIẢM	GIẢM		27.29				30.59	
TNG	20.50	TĂNG	TĂNG	19.70	20.48	4.06%		12.00	18.79	70.83%
TTB	23.80	TĂNG	GIẢM	22.60	22.56	5.31%			24.16	
VCI	33.90	TĂNG	GIẢM	32.30	32.11	4.95%			35.72	
VGT	9.80	GIẢM	GIẢM		10.42				11.88	
VHC	88.50	TĂNG	GIẢM	89.50	88.29	-1.12%			95.80	
VND	14.95	GIẢM	GIẢM		15.50				16.69	
VNG	19.35	GIẢM	GIẢM		20.24			21.50	20.58	-4.29%
VPI	40.85	GIẢM	GIẢM		42.03				42.86	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	9.60	TĂNG	#N/A	9.40	9.29	2.13%		16.85	#N/A	#N/A	
AGR	4.31	GIẢM	TĂNG		4.36			3.99	3.69	8.02%	
AMD	1.77	GIẢM	GIẢM		1.87				2.08		
APG	9.10	TĂNG	TĂNG	8.50	8.97	7.06%		9.90	7.90	-8.08%	
ART	2.40	GIẢM	GIẢM		2.60				3.07		
BCC	8.70	GIẢM	TĂNG		9.06			7.70	7.66	12.99%	



We Create Fortune

BCG	5.60	GIẢM	TĂNG		5.78			6.39	5.41	-12.36%	
C69	20.30	TĂNG	TĂNG	8.80	18.13	130.68%		5.30	13.87	283.02%	
CCL	6.45	TĂNG	TĂNG	6.38	6.03	1.10%		3.46	4.89	86.42%	
CRC	16.40	TĂNG	GIẢM	15.05	15.14	8.97%			17.35		
CVT	20.15	TĂNG	TĂNG	19.25	19.91	4.68%		20.35	17.62	-0.98%	
DAG	6.90	TĂNG	GIẢM	6.55	6.59	5.34%			7.01		
DAH	12.65	GIẢM	TĂNG		14.36			4.66	9.18	171.22%	
DGW	23.60	TĂNG	TĂNG	21.85	22.69	8.01%		23.50	23.12	0.43%	MUA
DLG	1.46	GIẢM	GIẢM		1.58				1.65		
DRH	6.79	GIẢM	GIẢM		7.27				7.76		
DTD	15.60	TĂNG	TĂNG	15.00	14.05	4.00%		12.90	10.80	20.93%	
EVG	2.84	TĂNG	GIẢM	2.87	2.82	-1.05%			3.02		
FIT	3.40	GIẢM	TĂNG		3.58			3.64	3.03	-6.59%	
GKM	15.00	GIẢM	TĂNG		15.41			11.42	14.95	31.29%	
HAH	13.70	TĂNG	TĂNG	12.80	12.50	7.03%		13.00	11.31	5.38%	
HAI	1.86	TĂNG	GIẢM	1.87	1.80	-0.53%			1.93		
HAP	3.49	GIẢM	TĂNG		3.70			3.67	3.25	-4.90%	
HAR	3.72	GIẢM	TĂNG		4.03			3.71	3.65	0.27%	
HCD	3.77	TĂNG	GIẢM	3.79	3.61	-0.53%			4.34		
HDA	11.90	TĂNG	TĂNG	10.50	11.30	13.33%		11.30	10.27	5.31%	
HDC	16.20	TĂNG	TĂNG	15.25	14.73	6.23%		15.25	13.47	6.23%	
HHP	13.10	GIẢM	#N/A		14.64			-	#N/A		
HHS	3.29	GIẢM	GIẢM		3.46				3.69		
HII	11.15	GIẢM	GIẢM		11.77				13.42		
HQC	1.39	TĂNG	GIẢM	1.43	1.36	-2.80%			1.50		
HSL	7.40	GIẢM	GIẢM		7.93				9.64		
HUT	2.40	GIẢM	GIẢM		2.67				3.07		
HVG	3.20	GIẢM	GIẢM		3.48				4.67		
HVH	29.15	TĂNG	#N/A	26.15	27.51	11.47%		-	#N/A		
JVC	2.83	TĂNG	GIẢM	2.97	2.80	-4.71%			3.23		
KLF	1.30	GIẢM	GIẢM		1.61				1.79		
KMR	2.81	GIẢM	TĂNG		3.03			3.68	2.65	-23.64%	
LCG	10.35	TĂNG	GIẢM	10.45	10.24	-0.96%			11.44		
LGL	10.35	GIẢM	TĂNG		10.43			7.11	8.90	45.51%	
LHG	17.75	GIẢM	TĂNG		19.38			19.30	17.20	-8.03%	
LMH	17.10	TĂNG	#N/A	17.10	16.81	0.00%	MUA	-	#N/A		
MST	2.50	GIẢM	GIẢM		2.91				3.71		
NDN	17.10	TĂNG	TĂNG	14.10	16.24	21.28%		13.10	14.40	30.49%	
PHC	12.75	GIẢM	TĂNG		12.92			14.45	12.65	-11.76%	BÁN



We Create Fortune

PVB	20.40	TĂNG	TĂNG	20.20	19.30	0.99%		20.10	16.79	1.49%	
PVC	7.70	GIẢM	TĂNG		8.14			7.10	6.21	8.45%	
PXL	5.40	GIẢM	GIẢM		5.96				7.35		
PXS	5.44	GIẢM	TĂNG		5.56			4.85	4.34	12.16%	
QBS	3.13	GIẢM	GIẢM		3.36				3.36		
SFG	10.00	GIẢM	GIẢM		11.43				14.61		
SHI	8.79	TĂNG	TĂNG	8.39	8.03	4.77%		6.23	7.45	41.03%	
SJF	3.20	GIẢM	GIẢM		3.67				3.88		
SKG	11.85	GIẢM	GIẢM		12.22				12.61		
TDH	9.20	GIẢM	TĂNG		9.67			11.65	9.17	-21.03%	
TIG	3.40	GIẢM	TĂNG		3.49			3.20	3.03	6.25%	
TLD	5.27	GIẢM	GIẢM		5.51				6.07		
TLH	4.97	GIẢM	TĂNG		5.07			5.85	4.80	-15.04%	
TNI	11.10	TĂNG	GIẢM	11.10	10.76	0.00%	MUA		12.03		
TTF	3.11	GIẢM	TĂNG		3.31			3.99	3.03	-22.06%	
TTH	3.90	GIẢM	GIẢM		4.12				4.60		
TVB	20.00	TĂNG	TĂNG	17.40	17.85	14.94%			19.27		
TVC	14.00	TĂNG	TĂNG	12.50	13.15	12.00%			13.71		
VC3	22.60	GIẢM	TĂNG		23.24			22.00	21.35	2.73%	
VCR	17.40	GIẢM	GIẢM		22.22				32.17		
VNE	3.75	GIẢM	GIẢM		4.11			4.65	3.96	-14.88%	BÁN
VPG	20.60	GIẢM	TĂNG		21.95			20.46	19.34	0.71%	
VRC	14.90	GIẢM	GIẢM		15.41				17.17		
YBM	12.45	TĂNG	TĂNG	10.95	10.31	13.70%			12.17		



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	988.41	-0.11%
VN30	887.39	-0.10%
VN Mid	967.56	-0.18%
VN Small	813.58	-0.24%

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	106.44	-0.25%
HN30	195.42	-0.08%
VNX AllSh	864.35	0.02%

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	59.23	1.32%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	556.72	
Bán	369.63	
GT rỗng	187.08	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	2.26	
Bán	12.93	
GT rỗng	-10.67	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	32.05	
Bán	14.31	
GT rỗng	17.74	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
TNI	700	6.73%
CMG	1571	4.09%
NAF	600	3.21%
HDC	500	3.18%
SZL	1300	2.88%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
L14	1700	3.06%
BCC	200	2.35%
PVI	500	1.36%
NDN	200	1.18%
TVC	100	0.72%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
CTR	3000	8.11%
GVR	700	4.90%
VGI	1400	4.78%
EVF	300	4.35%
C4G	200	2.50%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VIS	-900	-6.74%
KOS	-1900	-6.48%
SFG	-600	-5.66%
PGD	-1600	-4.79%
BFC	-600	-3.41%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
SHS	-300	-3.13%
DGC	-600	-1.83%
VCR	-300	-1.69%
TNG	-300	-1.44%
TAR	-400	-1.41%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
BSR	-300	-2.68%
SIP	-2200	-2.34%
VGT	-200	-2.00%
QTP	-200	-1.68%
VTP	-2100	-1.43%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG >1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	410,906	
VCB	292,630	
VHM	287,388	
VNM	218,371	
GAS	204,984	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	38,413	
VCS	12,199	
VCG	11,661	
PVS	10,945	
PVI	8,528	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	176,747	
VGI	89,308	
VEA	82,172	
MCH	57,804	
GVR	57,048	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
ROS	18,628,810	12,941,945
KBC	7,034,170	3,026,064
MBB	5,461,810	7,068,093
GEX	4,726,450	2,922,374
DLG	4,536,240	2,687,726

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
SHB	8,878,329	4,700,629
ACB	4,011,188	1,434,174
PVX	2,906,235	582,931
NVB	2,395,600	881,038
PVS	2,011,809	3,149,848

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
GVR	4,425,470	1,226,259
GEG	3,201,727	812,345
BSR	2,288,408	1,240,441
VGI	1,306,537	766,937
BAB	1,005,200	96,309

Nguồn: Bloomberg & YSVN

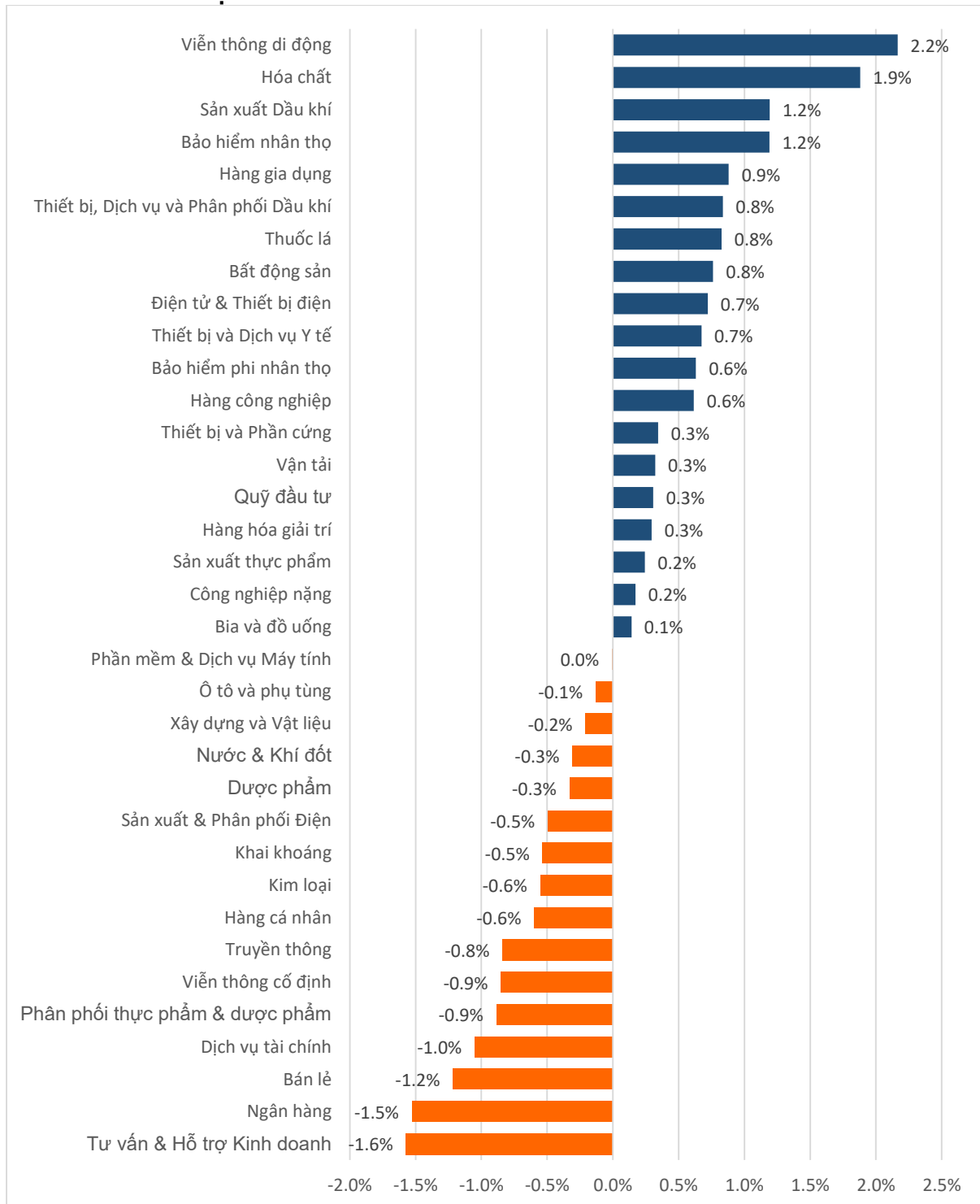
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create Fortune

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



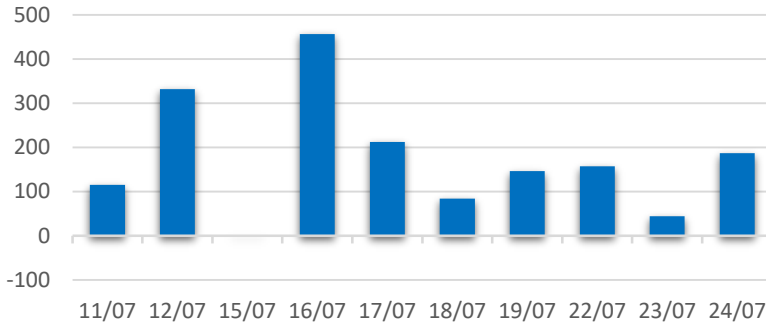
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

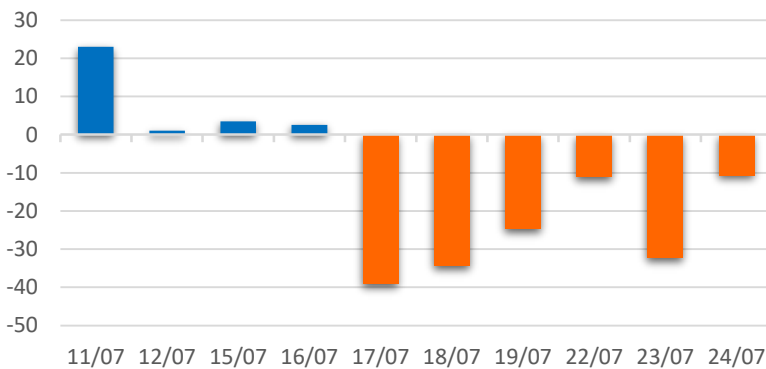
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VJC	119,921	HBC	26,562
VIC	32,426	STB	20,990
MSN	18,692	VCB	9,682
HPG	18,028	PVT	7,801
VRE	17,668	VNM	5,407

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

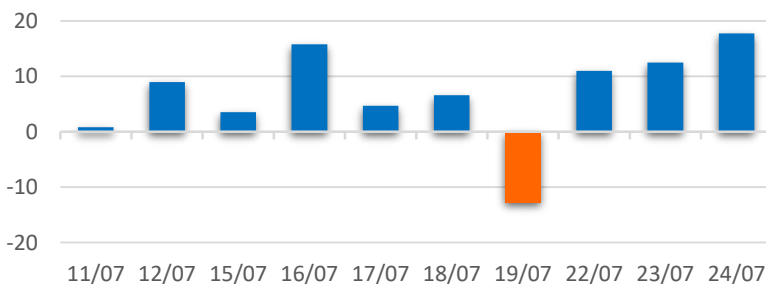
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
DGC	638	SHS	4,947
SHB	183	PVS	3,877
BAX	77	CEO	1,132
AMV	61	INN	864
TTT	53	BCC	212

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
GVR	12,177	BSR	1,382
VEA	3,939	ACV	577
QNS	3,100	VGI	415
BCM	420	WSB	273
VTP	378	SAS	107

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



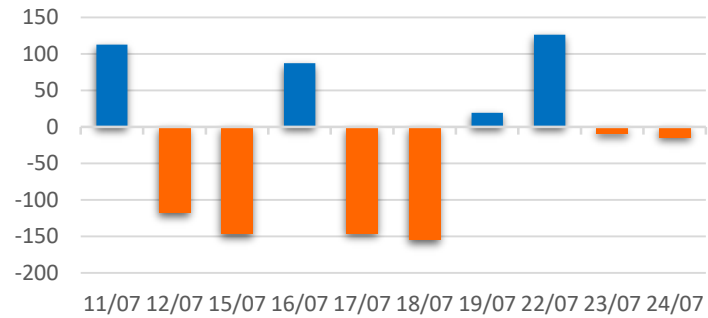
We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

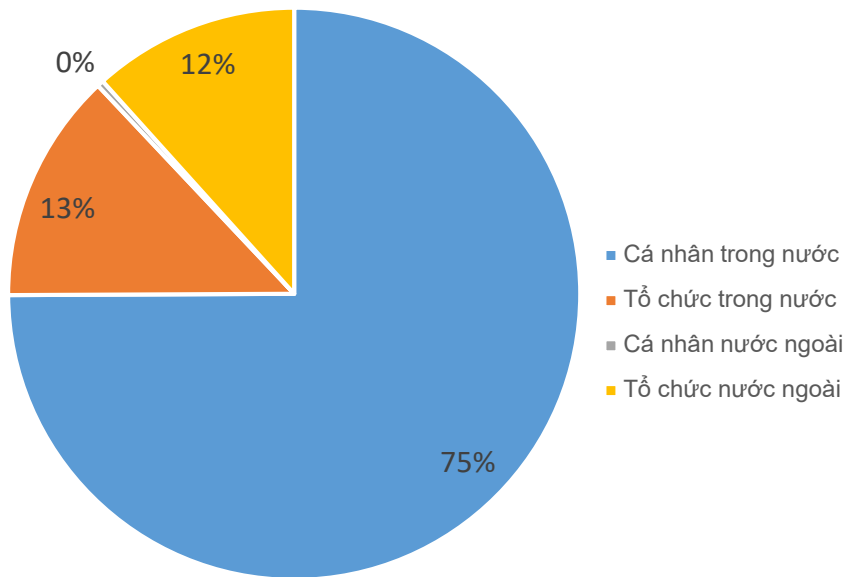
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
GEX	35,070	MBB	10,421
MSN	21,089	MWG	4,288
E1VFN30	5,985	BID	4,142
MWG	3,838	CTG	3,184
HPG	3,575	BMI	2,704

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

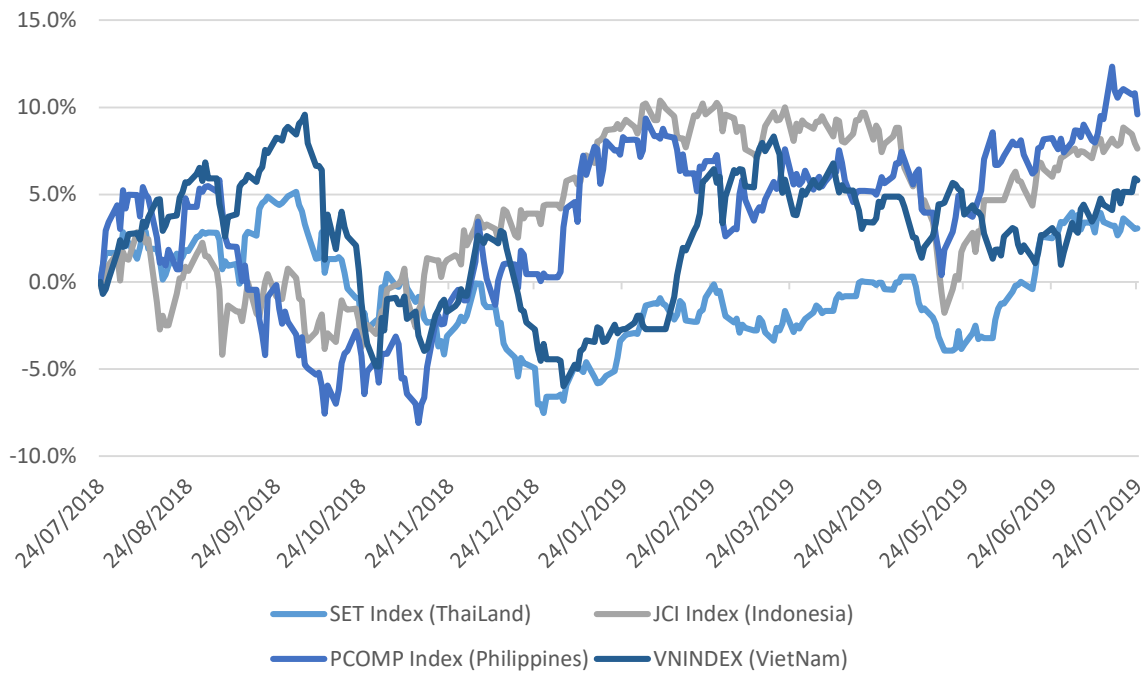


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

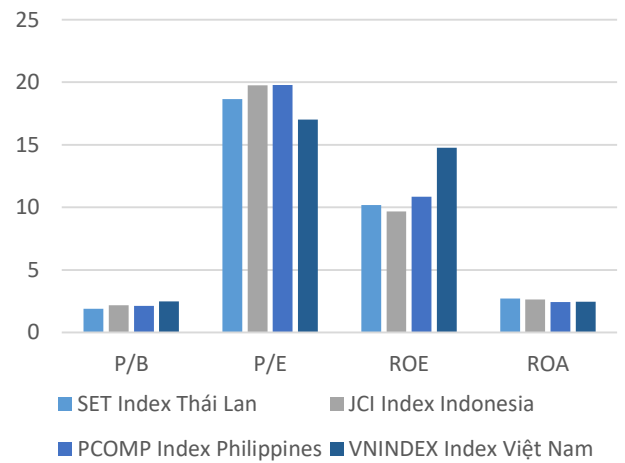
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.9x	2.2x	2.1x	2.5x
P/E		18.7x	19.7x	19.8x	17.0x
ROE	%	10.19	9.67	10.84	14.76
ROA	%	2.70	2.63	2.43	2.46
Vốn hóa	Tỷ USD	571.63	526.43	202.27	143.66
GTGD	Triệu USD	1.65	0.45	0.09	0.13
LS cổ tức	%	2.99	2.44	1.61	1.72

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

Phạm Tấn Phát

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3832

phat.pham@yuanta.com.vn

Đặng Phi Phôn

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext

phon.dang@yuanta.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

Phù Vĩnh Qué

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

**Giám đốc trung tâm kinh doanh
Nam Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Đình Tuấn

Giám đốc Chi Nhánh Đà Nẵng

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or in any form or manner, without the express written